TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/ 2022/ DS-PT

Ngày: 14-06-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng xây dựng, đòi lại tài sản, Bồi thường thiệt hại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các thẩm phán:

1. Ông Lâm Thuận Tùng

2. Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7 và ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:161/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng xây dựng, đòi lại tài sản, Bồi thường thiệt hại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2021/DS-ST, ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2021/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp LĐ, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang;

Ông Nguyễn Xuân L ủy quyền cho bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, thị trấn Chợ Mới, huyện C, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2021) (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981;

2.2. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1981;

2.3. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1956;

2.4. Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1982;

2.5. Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang;

Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Thành L, bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Mai T, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/02/2021) (Có mặt)

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung và tự khai của ông Nguyễn Xuân L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Trần Thị Kim T và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 02/01/2017, ông L thỏa thuận bằng lời nói với ông Đ tiền công xây dựng 02 căn nhà cho ông Đ và bà Y, cụ thể như sau:

- 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn Đ và vợ Nguyễn Thị Mai T với giá là 700.000 đồng/m^2, diện tích nhà của ông Đ ngang 8m dài 9,34m, tổng diện tích 74,72m^2, tổng số tiền là 52.304.000 đồng.

- 01 căn nhà của ông Nguyễn Thành L và vợ Nguyễn Thị Phi Y với giá 600.000 đồng/m^2, diện tích nhà của ông Lấy ngang 6,4m dài 9,34m, tổng số tiền 35.865.600 đồng.

Cách thức thanh toán: Chia làm 04 giai đoạn ứng tiền để ứng tiền cho thợ, mỗi lần ứng 30% cho 03 lần đầu và 10% còn lại sau khi hoàn thành công trình xây dựng. Thỏa thuận xây dựng 02 căn nhà với giá 88.000.000 đồng. Ngoài ra, ông L có thỏa thuận thêm với bà Lê Thị Thu H xây sân nhà với giá là 12.000.000 đồng.

Ngày 16/4/2017, ông L có ứng tiền công thợ là 43.000.000 đồng, công trình thi công được 80% (bột chét xong, mặt tiền sân và mặt sau đã xây gạch, bên hông đã được tô xi măng), căn cứ vào những người làm chung nên biết xây dựng được 80% căn nhà. Đối với phần thỏa thuận xây sân nhà với giá 12.000.000 đồng thì ông L đã xây dựng xong.

Ngày 02/5/2017, công trình phải tạm ngừng thi công do chủ nhà hứa hẹn nhiều lần mà không cho ông L ứng tiền, để trả tiền công cho thợ.

Sau đó, bà Y bà H không ứng tiền công thợ mà thuê người khác tiếp tục hoàn thiện 02 căn nhà. Từ ngày 02/5/2017 cho đến nay, bà H và bà Y đang giữ các dụng cụ dùng để phục vụ cho việc xây dựng của ông L không trả đã gây thiệt hại cho ông L. Các vật dụng chuyên dùng cho xây dựng cụ thể như sau: 01 máy trộn hồ hiệu Vifuco; 01 mô tơ chạy máy trộn; 20 cây chống tăng; 30m dây diện loại dây Cadivi; 02 xe rùa đẩy hồ loại kẽm; 06 cây thép hộp 5x10; loại 1,4 ly kẽm; 07 cây

thép hộp 3x6, loại kẽm 1,4 ly; 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m; 01 bàn cắt gạch; 13 bộ giàn giáo loại 26 chân.

Đối với hợp đồng tiền công xây dựng nhà giữa ông ông L và ông Đ, ông Lấy, bà H, bà Y, bà T liên đới trả cho ông số tiền 55.000.000 đồng thì ông L rút lại yêu cầu khởi kiện. Do bà H, bà Y giữ dụng cụ lao động dùng trong xây dựng của ông L. Nên, ông L yêu cầu bà Y, bà H cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường tài sản là vật dụng trong xây dựng của ông L với số tiền là 31.990.000 đồng và bồi thường tiền công lao động từ ngày 02/5/2017 tạm tính đến ngày 01/02/2021 số tiền là 286.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Thu H và bà Nguyễn Hoàng Phi Y trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 21/01/2017 âm lịch, giữa ông L và bà H có thỏa thuận bằng lời nói xây dựng 02 căn nhà, với giá công thợ, căn thứ nhất là 700.000 đồng/m^2, căn thứ hai là giá 600.000 đồng/m^2, thời hạn hoàn thành 02 căn nhà là 02 tháng, nhưng đến 03 tháng 10 ngày chỉ hoàn thành 30% căn nhà, khi xây dựng hư hao vật tư, sai bản vẽ, lợp tol bắn vít bị lủng tol làm dột, thợ tự ý bỏ việc, thợ bị đứt chân, gia đình bà H phải chở đi bệnh viện và có cho họ, ông L hứa sẽ bồi thường lại nhưng vẫn không thực hiện. Do ông L không tiếp tục thi công nên bà H và bà Y thuê người khác đến hoàn thiện công trình, vào ngày 25/5/2017,bà H và bà Y thuê người tháo dỡ đồ nghề của ông L xuống và để phía trước nhà, nhưng do ông L không đến lấy về. Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2018, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Đ, bà T, bà Y, bà H và ông Lấy liên đới trả cho ông số tiền công xây dựng nhà còn nợ: 55.000.000 đồng còn các nội dung khác giữ nguyên.

Tại Bản án sơ thẩm số: 188/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Xuân L.

- Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L tiền giá trị tài sản là 38.838.000 đồng và bồi thường thiệt hại bị mất thu nhập là 144.000.000 đồng. Tổng cộng 182.838.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Pham Xuân L đối với yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Mai T, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả cho ông số tiền công xây dựng nhà còn nợ: 55.000.000 đồng.

- Bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y được sở hữu các tài sản tạm giữ gồm: 01 máy trộn hồ hiệu Vifuco; 01 mô tơ máy trộn; 20 cây chống tăng; 30m dây diện loại dây Cadivi; 02 xe rùa đẩy hồ; 06 cây théo hộp 5x10 loại 1,4 ly kẽm; 07 cây thép hộp 3x6 loại kẽm 1,4 ly; 01 bàn cắt gạch; 10 bộ giàn giáo loại 26 chân.

Bản án còn tuyên về án phí thời hạn kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 01/07/2021, bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bà không có lỗi nên không đồng ý bồi thường.

Tại Bản án phúc thẩm số 79/2019/DS-PT ngày 13/5/2019 đã tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y.

Sửa Bản án sơ thẩm số 188/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L

- Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L tiền giá trị tài sản là 31.838.000 đồng và bồi thường thiệt hại bị mất thu nhập là 144.000.000 đồng. Tổng cộng 175.838.000 đồng;

Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm giữ nguyên. Bản án còn tuyên về án phí phúc thẩm.

Ngày 04/7/2019, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y có đơn đề nghị kháng ghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 293/QĐKNGĐT–VC3-V3 ngày 23/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án sơ thẩm số 188/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 10/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Chấp nhận Kháng nghị số 293/QĐKNGĐT–VC3-V3 ngày 23/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2019/DS-PT ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 188/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý lại vụ án và đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Xuân L.

2. Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L giá trị tài sản là 6.744.000 đồng và bồi thường

thiệt hại do bị mất thu nhập cho ông Nguyễn Xuân L số tiền là 258.250.000 đồng, tổng cộng số tiền là 264.994.000 đồng.

3. Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng có trách nhiệm liên đới giao trả các dụng cụ lao động cho ông Nguyễn Xuân L gồm: 01 máy trộn hồ (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 01 mô tơ máy trộn (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 20 cây chống tăng(đã qua sử dụng); 30m dây diện loại dây Cadivi(đã qua sử dụng); 02 xe rùa đẩy hồ(đã qua sử dụng); 06 cây théo hộp 5x10, loại 1,4 ly kẽm(đã qua sử dụng); 07 cây thép hộp 3x6, loại kẽm 1,4 ly (đã qua sử dụng); 01 bàn cắt gạch(đã qua sử dụng); 10 bộ giàn giáo (đã qua sử dụng) loại 26 chân.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Mai T, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, bà Lê Thị Thu H về tiền công xây dựng nhà với số tiền là 55.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/6/2022, bà Nguyễn Thị Kim T đại diện cho nguyên đơn thể hiện: Rút lại yêu cầu trả tiền công xây dựng đối với hợp đồng tiền công xây dựng nhà giữa ông ông L và ông Đ, ông Lấy, bà H, bà Y, bà T liên đới trả cho ông số tiền 55.000.000 đồng, yêu cầu bà Y, bà H cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường tài sản là vật dụng trong xây dựng của ông L với số tiền là 31.990.000 đồng và bồi thường tiền công lao động từ ngày 02/5/2017 tạm tính đến ngày 01/02/2021 số tiền là 286.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không chấp nhận bồi thường tài sản là vật dụng xây dựng và mất thu nhập không lao động được do bị đơn giữ vật dụng xây dựng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất ngày 21/01/2017 (âm lịch), ông L có thỏa thuận miệng thi công 02 căn nhà cho phía bị đơn với số tiền 88.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: chia làm 04 đợt, mỗi đợt ứng 30% và đợt cuối hoàn thành công trình là 10%. Ngày 16/4/2017, ông L đã ứng 43.000.000 đồng. Sau khi thực hiện xong 80% công trình, ông L yêu cầu cho ứng thêm tiền để trả tiền thợ phía bị đơn không đồng ý và từ ngày 02/5/2017 ông L tạm ngưng thi công, phía bị đơn thuê người khác thi công tiếp công trình. Ngoài ra, ông L còn làm thêm một số công việc như: đỗ xê nô, ốp gạch âm tường và bó nền sân xung quanh nhà với số tiền công: 12.000.000 đồng. Nay, ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền công còn nợ 55.000.000 đồng, giá trị thiết bị đồ nghề thợ hồ 31.990.000 đồng và bồi thường tiền công lao động 250.000 đồng/ngày từ ngày 02/5/2017 (ngày phía bị đơn giữ thiết bị đồ nghề thợ hồ) đến khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền công còn lại 55.000.000 đồng và đồng ý nhận lại tài sản là các dụng cụ lao động mà bị đơn đang giữ, yêu cầu bà Y, bà H bồi thường các tài sản bị mất gồm: 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m, 45 tấm ván ép đỏ mặt 02 tấc dài 4m, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân theo biên bản định giá và bồi thường tiền công lao động 250.000 đồng/ngày tính từ ngày 02/5/2017 đến khi xét xử.

Phía các bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L vì cho rằng do lỗi của ông L tự ý ngưng thi công nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Xét thấy, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là từ hợp đồng xây dựng nhà giữa ông L và các bị đơn nhưng các bên không lập văn bản để quy định rõ trách nhiệm của các bên và khi phát sinh tranh chấp thì phía ông L khai là là mình đã thực hiện xong 80% công trình, ông L yêu cầu cho ứng thêm tiền để trả tiền thợ phía bị đơn không đồng ý và từ ngày 02/5/2017 ông L ngừng thi công, ngày 25/5/2017 bị đơn thuê thợ khác để thi công tiếp công trình. Phía bị đơn cho rằng thỏa thuận thời gian xây dựng nhà là 02 tháng, nhưng qua 03 tháng 10 ngày chỉ hoàn thành 30% công trình. Quá trình xây dựng nhà hao vật tư, sai bản vẽ, lợp tole bắn vít bị thủng làm nhà bị dột, thợ tự ý bỏ việc. Phía bị đơn cũng bị thiệt hại khi phải thuê người khác thi công phát sinh thêm 19.000.000 đồng và cho rằng do lỗi của ông L tự ý ngưng thi công nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Đối với các dụng cụ lao động của ông L; bà H, bà Y đang giữ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y trả lại cho ông L; bà H, bà Y không kháng cáo nên không xem xét.

- Đối với các dụng cụ lao động của ông L bị mất là 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m; 03 bộ giàn giáo loại 26 chân. Do bà H, bà Y đang giữ các dụng cụ lao động của ông L và làm mất là do lỗi của bà H, Yến nên buộc bà H, bà Y phải bồi thường cho ông L. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y phải bồi thường tổng cộng 6.744.000 đồng (trong đó: 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m với giá 140.000 đồng/tấm = 2.100.000 đồng; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m với giá là 88.000 đồng/tấm = 3.960.000 đồng, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân giá 228.000 đồng/bộ x 3 = 684.000 đồng). Tuy nhiên, theo biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2018 và 12/4/2021 thì giá trị 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m và 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m chỉ còn giá trị 50%, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân chỉ còn giá trị 40%. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y phải bồi thường giá trị 100% là không chính xác nên cần phải sửa lại số tiền bà H, bà Y phải bồi thường cho ông L là 3.303.600 đồng (trong đó: 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m với giá 140.000 đồng/tấm, còn 50% giá trị= 1.050.000 đồng; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m với giá là 88.000 đồng/tấm, còn 50% giá trị = 1.980.000 đồng, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân giá 228.000 đồng/bộ, còn 40% giá trị = 273.600 đồng).

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập 250.000 đồng/ngày do các dụng cụ lao động đồ nghề thợ hồ của ông L bị bà H, bà Y giữ nên ông L không thể lao động được. Việc ông L yêu cầu bà H, bà Y bồi thường thiệt hại do mất thu nhập 250.000 đồng/ngày tính từ ngày 02/5/2017 cho đến ngày xét xử sơ

thẩm là ngày 15/6/2021 với 1.033 ngày (có trừ ngày thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ lễ) với tổng số tiền là 258.250.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại quyết định giám đốc thẩm số 10 ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xác định ông L cũng có lỗi trong việc xảy ra tranh chấp là khi xây dựng nhà ông L không có ký hợp đồng để xác định thời gian hoàn thành căn nhà và không có căn cứ để xác định tỷ lệ hoàn thành căn nhà để làm căn cứ xác định là lỗi thuộc về ông L do vi phạm về thời hạn xây dựng nhà hay lỗi thuộc về phía bị đơn trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Cho nên, ông L cũng phải chịu 1/2 trách nhiệm dẫn đến thiệt hại xảy ra. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y chịu toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập cho ông L là chưa đánh giá đúng mức độ lỗi của các bên và gây thiệt hại cho phía bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y; Sửa bản án sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới: Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L giá trị tài sản là 3.303.600 đồng và bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập cho ông Nguyễn Xuân L số tiền là 129.125.000 đồng, tổng cộng số tiền là 132.428.600 đồng. Bà Lê Thị Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.310.720 đồng; Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Y, bà H kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bên đương sự cung cấp tài liệu chứng minh ông L trong thời gian tranh chấp có đi làm, có nhận công trình để xây dựng;

[2] Về nội dung:

Xét, bị đơn kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại Bản án giám đốc thẩm số 10/2021/DS-GĐT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại mục 2.1 đã nhận định: "Đối với yêu cầu trả giá trị các vật dụng xây dựng mà bà H, bà Y đang chiếm giữ, thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận với nhau về xây dựng nhà, nhưng chỉ là thỏa thuận miệng không lập hợp đồng. Hơn nữa, không có sơ sở xác định tỷ lệ hoàn thành căn nhà tại thời điểm ông L ngưng xây dựng (02/5/2017), để làm căn cứ xác định lỗi về thời hạn xây dựng công trình của bên nguyên đơn, cũng như lỗi của bị đơn trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán". Và việc ngưng xây dựng được Bản án Giám đốc thẩm xác định lỗi của nguyên đơn và " Như vậy, Bà H, bà Y tháo dỡ, giữ tài sản xuất phát từ lỗi của ông L trong việc thực hiện thỏa thuận,

nên Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm buộc bị đơn bồi thường giá trị tài sản là không đúng với thực tế lỗi của các bên" và "giá trị buộc vị đơn bồi thường theo kết quả định giá là không đúng như đã phân tích ở nội dung tố tụng". Tại nội dung tố tụng 1.3 của Bản án giám đốc thẩm nhận định: "Tòa cấp sơ thẩm định giá không đúng, như môtơ chạy máy trộn giá bán 1.500.000 đồng nhưng xác định giá trong biên bản là 5.500.000 đồng, ngoài ra việc định giá không đồng nhất về tỷ lệ khấu hao có tài sản khấu hao 20% - 30% nhưng lại có tài sản không được khấu hao mặc dù đã qua sử dụng".

Về quyền cầm giữ tài sản, Hợp đồng xây dựng nhà được bên ông L và bên bà Y, bà H, ông Lấy, ông Đ xác nhận lập ngày 21/01/2017 là hợp đồng song vụ thì các bên đều có nghĩa vụ của riêng mình. Do đó, quyền của bên này sẽ tương ứng với nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Nguyên đơn cũng như đại diện của nguyên đơn xác định nghĩa vụ hoàn thành của 02 căn nhà của bà Y, ông Hà không thời hạn là ngụy biện; bên bà H, bà Y thông báo việc thợ làm hư hao gạch, vật tư khác thì mấy ngày sau ông L mới đến nhưng không thương lượng và ngưng xây dựng nhà kể từ ngày 02/5/2017 buộc bị đơn phải thuê thầu khác để làm hoàn thành 02 căn nhà với chi phí phát sinh thêm 19.831.000 đồng. Như vậy, bên ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên bị đơn bà Y, bà H có quyền xác lập quyền cầm giữ tài sản của bên ông L là phù hợp với quy định tại Điều 412 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ nhận định, phân tích trên của Bản án giám đốc thẩm, bên nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản nếu có giảm sút, mất giá trị nhưng không chứng minh được mất giá trị là bao nhiêu phần trăm tài sản vì các vật dụng xây dựng có dòng đời sử dụng khác nhau, vật dụng có thể sử dụng được nhiều lần như máy trộn hồ thì giá trị khấu hao, giảm sút giá trị sử dụng sẽ ít, thời hạn sử dụng sẽ lâu hơn so với ván ép có thể sử dụng một vài công trình, một vài tháng thì không còn hoặc giảm sút giá trị sử dụng...nhưng nguyên đơn không chứng minh được toàn bộ vật dụng công trình này giảm sút bao nhiêu phần trăm giá trị, tỷ lệ khấu hao không đồng nhất. Hơn nữa, ông L cung cấp tại thời điểm ông mua vật dụng xây dựng là 20/8/2016 tại một Công ty TNHH MTV Ngân Giang - tỉnh Vĩnh Long và các vật dụng này được mua trước khi xây dựng nhà bà Y, bà H là ba đến bốn tháng, vậy thời điểm này những vật dụng này đã được sử dụng bao nhiêu công trình rồi, giá trị khấu hao những vật dụng này còn bao nhiêu phần trăm. Hơn nữa bên bà Y, bà H phải thuê người tháo dỡ vật dụng của ông L xuống để bên nhà thầu mới đặt lại giàn giáo, vật dụng xây dựng để làm tiếp cho đến hoàn thành nhà. Bên bị đơn không chỉ chịu thiệt về thời gian hoàn thành nhà, thuê người tăng chi phí xây dựng khoảng 19.831.000 đồng nhưng bên bị đơn không yêu cầu gì đối với nguyên đơn. Về mặt thiện chí trong tranh chấp, lẽ ra ông L phải đến để nhận lại vật dụng xây dựng, xác định trách nhiệm nào thuộc về mình, cấn trừ hoặc thỏa thuận lại hợp đồng... mà bên bà H, bà Y cương quyết ngăn chặn để chứng minh cho lỗi này của bị đơn, ông L phải báo chính quyền địa phương lập biên bản về việc ngăn chặn đó. Việc bà Y, bà H chỉ đặt điều kiện phải trả 10.000.000 đồng tại Biên bản hòa giải ấp Mỹ Quý mới cho nhận vật dụng chưa đủ căn cứ để dẫn đến thiệt hại vì bên bà H, bà Y cho rằng ông L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Về bồi thường thiệt hại, theo quy định pháp luật, bên nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, đại diện cho ông L không chứng minh được. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bà H, bà Y tự nguyện hỗ trợ về lợi ích gắn liền với việc sử dụng tài sản, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút là 10.000.000 đồng, tự nguyện này không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về giữ tài sản bị mất: Theo biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2018 và 12/4/2021 thì giá trị 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m và 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m chỉ còn giá trị 50%, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân chỉ còn giá trị 40% bị mất. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y phải bồi thường giá trị 100% là không chính xác nên cần phải sửa lại số tiền bà H, bà Y phải bồi thường cho ông L là 3.303.600 đồng (trong đó: 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m với giá 140.000 đồng/tấm, còn 50% giá trị= 1.050.000 đồng; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m với giá là 88.000 đồng/tấm, còn 50% giá trị = 1.980.000 đồng, 03 bộ giàn giáo loại 26 chân giá 228.000 đồng/bộ, còn 40% giá trị = 273.600 đồng) như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mất thu nhập, tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện nguyên đơn xác định yêu cầu bồi thường về mất thu nhập 250.000 đồng/1 ngày do bà Y, bà H đã lấy đồ nghề của ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa bên nguyên đơn với bị đơn không hình thành quan hệ lao động mà giữa ông L với bên bà Y, bà H thỏa thuận xây dựng nhà, ông L nhận thầu xây dựng nhà cho bà Y, bà H nên quan hệ pháp luật được xác định là quan hệ xây dựng.

Về mất thu nhập mỗi ngày 250.000 đồng do không lao động được vì không có đồ nghề, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L mất thu nhập 250.000 đồng/ ngày từ ngày 02/5/2017 là ngày ngưng làm nhà của bà Y, bà H cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/6/2021 là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, ông L vẫn còn sức lao động để đi làm, bên bà H, bà Y không tác động gì đến sức khỏe của ông L, không có vật dụng xây dựng ông vẫn có thể đi làm bình thường như những người khác dùng sức lao động của mình để có thu nhập và để tái tạo sức lao động. Pháp luật và xã hội không chấp nhận lấy cơ hội bị giữ vật dụng xây dựng do mình cũng có lỗi để đòi hỏi bồi thường mang tính suy đoán thiệt hại mà hoàn toàn không có căn cứ. Hơn nữa, Bên bà H, bà Y không có hành vi ngăn chặn hay hạn chế nào đối với quyền được đi làm, đi lao động của ông L. Những trường hợp bồi thường do sức khỏe, tính mạng bị xâm phạm thì ngoài tiền thuốc, chi phí hợp lý thì bồi thường về mất thu nhập cũng có thời hạn nhất định, không có nghĩa là cứ tính thiệt hại khi nào vụ án được giải quyết xong theo yêu cầu của ông L.

Trường hợp có thiệt hại thực tế xảy ra như: ông L chứng minh được hết thời hạn xây dựng xong nhà của bà H, bà Y mà ông có ký hợp đồng nhận thầu xây dựng thêm các công trình khác nhưng do vật dụng xây dựng đang bị bà H, bà Y chiếm giữ nên ông phải thuê công cụ, hoặc đi vay tiền để mua vật dụng làm phát sinh tiền lãi phải trả...hoặc bị phạt hợp đồng do ông không thực hiện đúng thời hạn, nếu có thì đây là những thiệt hại thực tế được xem xét dựa trên mối quan hệ nhân quả giữa hành vi chiếm giữ với thiệt hại theo Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Theo Điều 585 BLDS 2015, về nguyên tắc bồi thường: Phải có thiệt hại thực tế xảy ra, mối quan hệ nhân quả, lỗi, và xem xét bên bị thiệt hại có áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình. Vậy, thiệt hại thực tế của ông L là bao nhiêu tiền? Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 7/6/2022, đại diện cho ông L cung cấp Hợp đồng thuê máy móc, công cụ phương tiện phục vụ công trình xây dựng ngày 01/9/2016 thời hạn thuê 03 tháng, thời hạn thuê đã hoàn thành trước ngày 02/01/2017 ký hợp đồng xây nhà cho bà Y, bà H. Giá trị hợp đồng thuê này không làm căn cứ để bồi thường thiệt hại vì nó phát sinh trước ngày thỏa thuận xây nhà của bà Y, bà H. Ông L đã thuê trước đó, lý do vì sao ông không tiếp tục thuê các máy móc, công cụ để tiếp tục nhận thầu xây dựng vì lúc này bà Y, bà H đang thu giữ công cụ xây dựng của ông nhưng việc bỏ mặc không có hành vi nào để khắc phục, hạn chế thiệt hại...mà lại đòi bồi thường trong khi mình cũng có lỗi nên yêu cầu bồi thường 250.000 đồng/ ngày từ ngày ngưng xây dựng từ ngày 02/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/6/2021 là 1.033 ngày là không có căn cứ, không chứng minh được số tiền cụ thể bị thiệt hại. Hơn nữa, Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách toàn xã hội do dịch Covid 19 xảy ra trong khoảng thời gian từ ngày 02/5/2017 đến ngày 15/6/2021 nên cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu là không có căn cứ vững chắc.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện bị đơn cung cấp người làm chứng như ông Nguyễn Văn N có trình bày: Tôi xin xác nhận thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 tôi có làm phụ hồ cho ông Nguyễn Xuân L. Ông L lãnh xây nhà như sau: Nhà của ông Bảy X, nhà ở C, xây cất nhà trọ HS có xác nhận của ấp MT. Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh V xác nhận có thuê ông L xây dựng nhà vào thời điểm 15/8/2019 với số tiền 30.000.000 đồng cũng được ấp Mỹ Luông xác nhận.

Ông L cũng có tờ tường trình: vào khoảng năm 2017 đến năm 2018, tôi không có lãnh thầu xây dựng và không biết ai tên ông Nguyễn Văn N. Ông không xây dựng nhà mồ cho ông Bảy X và xây dựng nhà trọ HS....

Những tài liệu này được xem xét cùng với những tài liệu chứng cứ khác của vụ án, nó không có giá trị là chứng cứ để chứng minh.

Do nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về bồi thường ngày 250.000 đồng/ ngày của số ngày 1.033 ngày do không có đồ nghề để đi làm của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bà Y, bà H bồi thường cho ông L bằng ½ số thu nhập bị mất là 258.250.000 đồng / 2 = 129.125.000 đồng đề nghị này cũng thiếu căn cứ thuyết phục. Như phân tích trên, số tiền 258.250.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bà Y, bà H bồi thường cho ông L đây không phải thiệt hại thực tế bị mất, hoặc giảm sút mà thiệt hại dựa trên suy đoán. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đề nghị trên.

Về tuyên xử buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng có trách nhiệm liên đới giao trả các dụng cụ lao động cho ông Nguyễn Xuân L gồm: 01 máy trộn hồ (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 01 mô

tơ máy trộn (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 20 cây chống tăng (đã qua sử dụng); 30m dây diện loại dây Cadivi (đã qua sử dụng); 02 xe rùa đẩy hồ (đã qua sử dụng); 06 cây théo hộp 5x10 loại 1,4 ly kẽm (đã qua sử dụng); 07 cây thép hộp 3x6 loại kẽm 1,4 ly (đã qua sử dụng); 01 bàn cắt gạch (đã qua sử dụng); 10 bộ giàn giáo (đã qua sử dụng) loại 26 chân, bên nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo nên coi như đồng ý nội dung này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập xem xét.

Những nội dung khác, đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về chí phí tố tụng: Cấp sơ thẩm khi giải quyết lại nhưng không tính chi phí tố tụng của bản án trước là thiếu sót nên cấp phúc thẩm xác định tổng chi phí tố tụng 1.100.000 đồng (Về chi phí định giá 500.000 đồng các ngày 30/5/2018, ngày 24/7/2018 và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng ngày 12/4/2021) do ông L tạm nộp, ông L khởi kiện được chấp nhận một phần về giá trị tài sản bị giảm sút nên chi phí tố tụng này bà Y, bà H phải chịu. Vì vậy, bà H, bà Y phải có nghĩa vụ hoàn trả 1.100.000 đồng cho ông L.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L yêu cầu bồi thường 258.250.000 đồng mất thu nhập do không lao động vì bị đơn giữ công cụ lao động không được Tòa án chấp nhận và yêu cầu trả về giá trị tài sản là 31.990.000 đồng nhưng chấp nhận 3.303.600 đồng nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 286.936.400 đồng (258.250.000 đồng + 28.686.400 đồng) là 14.346.820 đồng (làm tròn 14.346.000 đồng). Bà Lê Thị Thu H là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ 3.310.720 đồng;

Bà Y, bà H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng của số tiền 3.303.600 đồng phải thực hiện nghĩa vụ trả giá trị tài sản.

Về số tiền 10.000.000đ bên bà Y, bà H tự nguyện hỗ trợ cho ông L nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Y không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2021/DS-ST, ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Các điều 412, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 32 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L;

Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y bồi thường tài sản bị giảm giá trị 3.306.600 đồng cho ông Nguyễn Xuân L;

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y, bà H hỗ trợ ông L về lợi ích gắn liền với việc sử dụng tài sản, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút là 10.000.000 đồng;

3. Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng có trách nhiệm liên đới giao trả các dụng cụ lao động cho ông Nguyễn Xuân L gồm: 01 máy trộn hồ (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 01 mô tơ máy trộn (không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng) hiện không hoạt động; 20 cây chống tăng (đã qua sử dụng); 30m dây diện loại dây Cadivi (đã qua sử dụng); 02 xe rùa đẩy hồ (đã qua sử dụng); 06 cây thép hộp 5x10, loại 1,4 ly kẽm (đã qua sử dụng); 07 cây thép hộp 3x6, loại kẽm 1,4 ly (đã qua sử dụng); 01 bàn cắt gạch (đã qua sử dụng); 10 bộ giàn giáo (đã qua sử dụng) loại 26 chân;

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị Mai T, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, bà Lê Thị Thu H về tiền công xây dựng nhà với số tiền là 55.000.000 đồng.

- Chi phí tố tụng qua quá trình giải quyết vụ án: số tiền 1.100.000 đồng (Về chi phí định giá 500.000 đồng các ngày 30/5/2018, ngày 24/7/2018 và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng ngày 12/4/2021) do ông L tạm nộp, chi phí tố tụng này bà Y, bà H phải chịu nên bà H, bà Y phải có nghĩa vụ hoàn trả 1.100.000 đồng cho ông L.

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông L phải chịu án phí sơ thẩm 14.346.000 đồng được trừ vào số tiền 7.950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006159. Ông L còn phải nộp thêm 6.396.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Y, bà H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

- Án phí phúc thẩm: Bà Y, bà H không phải chịu án phúc thẩm, hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0012517 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Những nội dung khác không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND.H Chợ Mới
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Keo